

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

Số: **A283** /UBND-KTTH

V/v thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày **04** tháng **10** năm **2018**

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính; trong đó lưu ý một số nội dung sau:

**I. Xác định nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP:**

**1. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP trong năm 2018 của các Sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh:**

a) Đối với các cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có);

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018 (không kể các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quyết định giao dự toán của UBND tỉnh;

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018. Phạm

vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính;

- Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản, sắp xếp lại bộ máy hành chính và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định).

Trường hợp các nguồn kinh phí theo quy định nêu trên nhỏ hơn nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 72/2018/NĐ-CP thì các cơ quan, đơn vị báo cáo đầy đủ nhu cầu, nguồn và đề nghị mức hỗ trợ theo biểu mẫu quy định gửi Sở Tài chính để tổng hợp tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung dự toán.

Trường hợp sau khi đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Điều 2 Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính mà nguồn thu dành để cải cách tiền lương còn dư thì được chuyển sang năm 2019 để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có);

- Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018 (không kể các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quyết định giao dự toán của UBND tỉnh;

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính;

- Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định).

Trường hợp các nguồn kinh phí theo quy định nêu trên nhỏ hơn nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 72/2018/NĐ-CP thì các cơ quan, đơn vị báo cáo đầy đủ nhu cầu, nguồn và đề nghị mức hỗ trợ theo biểu mẫu quy định gửi Sở Tài chính để tổng hợp tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung dự toán.

Trường hợp sau khi đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Điều 2 Thông tư 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính mà nguồn thu dành để cải cách tiền lương còn dư lớn và có nhu cầu sử dụng nguồn còn dư trên để chi đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn, đồng thời cam kết tự đảm bảo nguồn kinh phí của đơn vị để thực hiện điều chỉnh tiền lương tăng thêm theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quyết định thì đề xuất phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp

trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

**2. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP, Nghị định số 88/2018/NĐ-CP trong năm 2018 của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:**

- Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018 (không kể các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quyết định giao dự toán của UBND tỉnh;

- Sử dụng nguồn 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm 2017 so với dự toán năm 2017 được UBND tỉnh giao;

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có);

- Sử dụng nguồn còn dư (nếu có) sau khi bảo đảm nhu cầu điều chỉnh tiền lương đến mức lương cơ sở 1,3 triệu đồng/tháng, từ các nguồn:

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2017 theo Quyết định UBND tỉnh giao;

+ Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản; từ phần ngân sách nhà nước dành ra do sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố; từ phần ngân sách nhà nước dành ra khi tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định);

+ Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 6/8/2018 của Bộ Tài chính.

Trường hợp các nguồn kinh phí theo quy định nêu trên nhỏ hơn nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ- CP, các huyện, thành phố phải có báo cáo đầy đủ nhu cầu, nguồn và đề nghị mức hỗ trợ theo biểu mẫu quy định gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung dự toán.

**II. Báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP:**

Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, xét duyệt và tổng hợp báo cáo nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-

CP năm 2018 gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 5/11/2018 để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính theo các biểu sau:

- Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh: tổng hợp và gửi báo cáo nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo các biểu số 2.a1; 2.c1; 2d; 2e; 2.g1; 4.a1; 4.b1 đính kèm theo văn bản này.

- UBND các huyện, thành phố: tổng hợp và gửi báo cáo nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo các biểu số 2.a2; 2b; 2.c2; 2d; 2d; 2e; 2.g2; 4.a2; 4.b2 đính kèm theo văn bản này.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

(Nghị định số 72/2018/NĐ-CP; Nghị định số 88/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 68/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính; các biểu mẫu kèm theo văn bản này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính)

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: LĐ, KTHH;
- Lưu: VT.ĐN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Bình

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018**

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>A</b>	<b>NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018</b>	
1	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có)	
-	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018	
-	Từ 40% số thu được để lại theo chế độ. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.	
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018	
3	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2018:	
a	Nguồn huy động từ các đơn vị tự đảm bảo (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên):	
	+ Học phí	
	+ Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập	
	+ Nguồn thu khác	
b	Nguồn huy động từ các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên):	
	+ Học phí	
	+ Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập	
	+ Nguồn thu khác	
4	Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18,19 (nếu có)	
	+ Từ việc tinh giản biên chế, tổ chức lại bộ máy (1)	
	+ Từ việc sát nhập các đầu mối, cơ quan, đơn vị (1)	
	+ Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp (2)	
<b>B</b>	<b>TỔNG NHU CẦU NĂM 2018</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP</b>	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ công chức khu vực hành chính, sự nghiệp <i>Trong đó: nhu cầu tăng thêm đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)</i>	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
7	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp uỷ thuộc cấp tỉnh theo Quy định 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017	
<b>II</b>	<b>Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:</b>	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2018 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (Đối tượng đã được Bộ Nội vụ thẩm định)	
3	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2018 theo NĐ số 26/2014/NĐ-CP ngày 09/3/2015 (Đối tượng đã được Ban Tô chúc Tỉnh ủy, Sở Nội vụ thẩm định)	
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2018</b>	
1	Phản thiểu đề nghị Ngân sách tinh cấp bổ sung	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

Ghi chú: (1) Chi tiết theo biểu 2d. (2) Chi tiết theo biểu 2e.

..., ngày.....tháng.....năm...  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018**

Đơn vị: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	SÓ TIỀN
1	2	3
<b>A</b>	<b>NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018</b>	
1	50% tăng thu NSĐP (không kể thu tiền sử dụng đất) thực hiện 2017 so dự toán UBND tỉnh giao năm 2017	
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018	
3	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2018:	
a	Nguồn huy động từ các đơn vị tự đảm bảo (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên): + Học phí + Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập + Nguồn thu khác	
b	Nguồn huy động từ các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên): + Học phí + Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập + Nguồn thu khác	
4	Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18,19 (nếu có) + Từ việc tinh giản biên chế, tổ chức lại bộ máy (1) + Từ việc sát nhập các đầu mối, cơ quan, đơn vị (1) + Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp (2) + Từ việc sát nhập các xã không đủ điều kiện tiêu chuẩn	
5	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang 2018	
<b>B</b>	<b>TỔNG NHU CẦU NĂM 2018</b>	
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP và Nghị định số 76/2017/NĐ-CP tính đú 12 tháng (3)	
II	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ công chức khu vực hành chính, sự nghiệp <i>Trong đó: nhu cầu tăng thêm đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)</i>	
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
3	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
4	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghi việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo NĐ 88/2018/NĐ-CP	
5	Kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
7	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp uỷ thuộc cấp tỉnh theo Quy định 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017	
<b>III</b>	<b>Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:</b>	
1	Kinh phí tăng, giảm do điều chỉnh địa bàn vùng KTXH ĐBKK năm 2017 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg và Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tính đú 12 tháng (4)	

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2018 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (Đối tượng đã được Bộ Nội vụ thẩm định)	
3	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2018 theo NĐ số 26/2014/NĐ-CP ngày 09/3/2015	
C	<b>CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2018</b>	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách tinh hỗ trợ.	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

**Ghi chú:**

- (1) Chi tiết theo biểu 2d.
- (2) Chi tiết theo biểu 2e.
- (3), (4) Theo nhu cầu đã thẩm định khi thực hiện CCTL năm 2017, tính đủ 12 tháng.

..., ngày ..... tháng ..... năm ...

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 72/2018/NĐ-CP NĂM 2018

ST T	CHỈ TIÊU	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2018	TỔNG SỐ	NGUỒN TỪ TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN, NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ VÀ NGUỒN TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT 18, 19										Nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2018 chun sử dụng hết chuyển sang năm sau			
				Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018 (nếu có)			Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018	Nguồn thu từ các đơn vị tự đảm bảo (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên)			Nguồn thu từ các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên (Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên)						
				Tổng số	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên đến hết năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2018	Từ 40% số thu được để lại theo chế độ. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.	Học phí	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dv y tế khác của cơ sở y tế công lập	Nguồn thu khác	Học phí	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dv y tế khác của cơ sở y tế công lập	Nguồn thu khác	Tổng số	Tiết kiệm từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản, sắp xếp lại bộ máy	Tiết kiệm từ phân NSNN dành ra khi tăng số lượng đơn vị sự nghiệp từ chủ về tài chính, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp		
A	B	1	2 = 3+6+7+...+13	3 = 4+5	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 = 14+15	14	15	16 = 2-1
-	Đơn vị trực thuộc ...																
3.2	Chi sự nghiệp Y tế																
-	Đơn vị trực thuộc A																
-	Đơn vị trực thuộc ...																
3.3	Chi sự nghiệp Đào tạo																
-	Đơn vị trực thuộc A																
-	Đơn vị trực thuộc ...																
4	Số ...																
	...																

..., ngày .... tháng .... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

## TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 72/2018/NĐ-CP NĂM 2018

ST T	CHỈ TIÊU	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2018	NGUỒN TỪ TIẾT KIÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN, NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ VÀ NGUỒN TIẾT KIÊM THEO NGHỊ QUYẾT 18, 19					Đơn vị: Triệu đồng
			TỔNG SỐ	TIẾT KIÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP		TIẾT KIÊM CHI THEO NGHỊ QUYẾT 18, 19	
	TỔNG SỐ		HỌC PHÍ	DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH, Y TẾ DỰ PHÒNG VÀ DỊCH VỤ Y TẾ KHÁC CỦA CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP	KHÁC			
	<b>TỔNG SỐ</b>							
	<b>Huyện A</b>							
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
	Trong đó:							
	- Giáo dục							
	- Đào tạo							
2	Sự nghiệp y tế							
3	Sự nghiệp văn hoá thông tin							
4	Sự nghiệp phát thanh truyền hình							
5	Sự nghiệp thể dục - thể thao							
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội							
7	Hoạt động kinh tế							
8	Sự nghiệp môi trường							
9	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể							
	Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã							

..., ngày.....tháng.....năm...  
**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP NĂM 2018

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHÉ ĐƯỢC CẤP CÓ THÀM QUYỀN GIAO HOẠC PHÊ ĐUYỆT NĂM 2018	TỔNG SỐ ĐỒI TƯỢNG HƯỚNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2018	QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 47/2017/NĐ-CP													
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÀM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐÀNG	PHỤ CẤP THÀM NIÊN NGHÈ	PHỤ CẤP KHÁC	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 1	6	7 = 8 + , +17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
-	Đơn vị trực thuộc Sở																
-	Đơn vị trực thuộc ...																
3.2	Chi sự nghiệp Y tế																
	Đơn vị trực thuộc Sở																
	Đơn vị trực thuộc ...																
3.3	Chi sự nghiệp Đào tạo																
	Đơn vị trực thuộc Sở																
	Đơn vị trực thuộc ...																
4	Sở ...																

**Ghi chú:**

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP NĂM 2018

NỘI DUNG		QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP														CHÊNH LỆCH QUÝ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ- CP NĂM 2018
		TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH , BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUN G	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐÁNG	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHÈ	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	9 = 20 + 21 + 3	20	21 = 22 + , + 3	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 = 19 - 5	34 = 33*6
-	Đơn vị trực thuộc Sở																
-	Đơn vị trực thuộc ...																
3.2	Chi sự nghiệp Y tế																
	Đơn vị trực thuộc Sở																
	Đơn vị trực thuộc ...																
3.3	Chi sự nghiệp Đào tạo																
	Đơn vị trực thuộc Sở																
	Đơn vị trực thuộc ...																
4	Sở ...																

.., ngày... tháng... năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP NĂM 2018

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHÉ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2018	TỔNG SỐ ĐỔI TUỢNG HƯỚNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2018	QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CÁP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 47/2017/NĐ-CP													CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CÁP (I)	PHỤ CÁP KHU VỰC	PHỤ CÁP CHỨC VỤ	PHỤ CÁP THÀM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CÁP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CÁP THU HÚT	PHỤ CÁP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CÁP CÔNG VỤ	PHỤ CÁP CÔNG TÁC ĐẲNG	PHỤ CÁP THÀM NIÊN NGHÈ	PHỤ CÁP KHÁC		
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 1	6	7 = 8 + „ + 17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	+Cấp huyện																	
	+ Cấp xã																	
<b>IV</b>	<b>PHỤ CÁP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																	
	+ Uỷ viên cấp tỉnh																	
	+ Uỷ viên cấp huyện																	
	+ Uỷ viên cấp xã																	

**Ghi chú:**

(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP NĂM 2018

NỘI DUNG	QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CÁP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP															CHÊNH LỆCH QUÝ LƯƠNG, PHỤ CÁP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ- CP NĂM 2018
	TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH , BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CÁP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)			
				PHỤ CÁP KHU VỰC	PHỤ CÁP CHỨC VỤ	PHỤ CÁP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CÁP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CÁP THU HÚT	PHỤ CÁP CÔNG TÁC LÂU NĂM	PHỤ CÁP CÔNG TÁC ĐÀNG	PHỤ CÁP THÂM NIÊN NGHÈ	PHỤ CÁP KHẮC					
1	2	9 = 20 + 21 + 3	20	21 = 22 + „ + 3	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 = 19 - 5	34 = 33*6
+ Cấp huyện																	
+ Cấp xã																	
<b>IV PHỤ CÁP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY</b>																	
+ Uỷ viên cấp tỉnh																	
+ Uỷ viên cấp huyện																	
+ Uỷ viên cấp xã																	

.. ngày.....tháng.....năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ  
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ:....

Biểu 2b

**BẢNG TỔNG HỢP QUÝ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2018	QUÝ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 76/2017/NĐ-CP	QUÝ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 88/2018/NĐ-CP	QUÝ TRỢ CẤP 1 THÁNG TĂNG THÊM	BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM 1 THÁNG	TỔNG QUÝ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
A	B	1	2	3	4 = 3 - 2	5 = 1 x 0,09 x 4,5%	6 = (4 + 5) x 6T
	<b>TỔNG SỐ</b>						
1	Nguyên bí thư, chủ tịch.						
2	Nguyên Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng uỷ, Uỷ viên, Thư ký UBND Thư ký HĐND, xã đội trưởng						
3	Các chức danh còn lại						

..., ngày.....tháng.....năm...

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ**  
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN BẢO HIỂM THÁT NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH 28/2015/NĐ-CP NĂM 2018

STT	Nội dung	QT thu BHTN 2017		Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2018	Tổng số đối tượng hưởng lương có mật độ 01/7/2018 nộp BHTN	Tổng QL, phụ cấp và BH thất nghiệp tháng 7/2018 theo ND 47/2017/NĐ-CP							Tổng QL, phụ cấp và BH thất nghiệp tháng 7/2018 theo ND 72/2018/NĐ-CP							Chênh lệch Bảo hiểm thất nghề tăng thêm 1 tháng	Nhu cầu thực hiện BHTN năm 2018	
		Tổng số đối tượng	Thu của người lao dộng và người sử dụng lao dộng (2%) (đơn vị thuộc địa phương quản lý)			Tổng cộng	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp tỉnh BHTN	Trong đó			1%	Bảo hiểm thất nghề	Tổng cộng	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp tỉnh BHTN	Trong đó			1%	Bảo hiểm thất nghề	
		1	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=21*6T	
3.1	Chi quản lý nhà nước																					
-	Đơn vị trực thuộc Sở																					
-	Đơn vị trực thuộc ...																					
3.2	Chi sự nghiệp Y tế																					
	Đơn vị trực thuộc Sở																					
	Đơn vị trực thuộc ...																					
3.3	Chi sự nghiệp Đào tạo																					
	Đơn vị trực thuộc Sở																					
	Đơn vị trực thuộc ...																					
4	Sở ...																					

Ghi chú: Đề nghị báo cáo chuẩn xác quỹ lương ngạch bậc và đầy đủ các loại phụ cấp dùng để tính, đóng BHTN

..., ngày.....tháng.....năm...  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN BẢO HIỂM THÁT NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH 28/2015/NĐ-CP NĂM 2018**

STT	Nội dung	QT thu BHTN 2017		Biên chế được cấp có thâm quyền giáo hoặc phê duyệt năm 2018	Tổng số đối tượng hưởng lương có mặt đến 01/7/2018 nộp BHTN	Tổng QL, phụ cấp và BH thất nghiệp tháng 7/2018 theo ND 47/2017/NĐ-CP							Tổng QL, phụ cấp và BH thất nghiệp tháng 7/2018 theo ND 72/2018/NĐ-CP							Chênh lịch Bảo hiểm thất nghiệp tăng thêm I tháng	Nhu cầu thực hiện BHTN năm 2018					
		Tổng số đối tượng	Thu của người lao động và người sử dụng lao động (2%) (đơn vị thuộc địa phương quản lý)			Tổng cộng	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp tỉnh BHTN	Trong đó			1% Bảo hiểm thất nghiệp	Tổng cộng	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp tỉnh BHTN	Trong đó										
									Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung	p.cấp thâm niên nghè					Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung	p.cấp thâm niên nghè								
		1	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=21*6T					
	<b>Huyện A</b>																									
1	SN giáo dục - đào tạo																									
	- Giáo dục																									
	- Đào tạo																									
2	SN y tế																									
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																									
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin																									
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																									
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																									
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																									
8	Hoạt động kinh tế																									
9	Sự nghiệp môi trường																									
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																									

Ghi chú: Đề nghị báo cáo chuẩn xác quỹ lương ngạch bậc và đầy đủ các loại phụ cấp dùng để tính, đóng BHTN

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL TIẾT KIỆM TỪ VIỆC THAY ĐỔI CƠ CHẾ TỰ CHỦ TRONG NĂM 2018 SO VỚI NĂM 2017 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

STT	Phân loại đơn vị sự nghiệp	Số lượng đơn vị đến 31/12/2017	Số lượng đơn vị đến 31/12/2018	Số lượng đơn vị thay đổi loại hình cơ chế tự chủ		Kinh phí tiết kiệm được từ việc thay đổi cơ chế tự chủ trong 1 tháng (1)	Kinh phí tiết kiệm trong năm 2018 so với năm 2017 (2)
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>TỔNG CỘNG</b>							
I	<b>Cấp tỉnh</b>						
1	Sở A						
a	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư						
b	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên						
c	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên						
d	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên						
2	Sở B						
a	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư						
b	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên						
c	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên						
d	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên						
3	<b>Đơn vị ... (Đơn vị dự toán cấp I)</b>						
	...						
II	<b>Cấp huyện</b>						
1	Huyện A						
a	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư						
b	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên						

STT	Phân loại đơn vị sự nghiệp	Số lượng đơn vị đến 31/12/2017	Số lượng đơn vị đến 31/12/2018	Số lượng đơn vị thay đổi loại hình cơ chế tự chủ		Kinh phí tiết kiệm được từ việc thay đổi cơ chế tự chủ trong 1 tháng (1)	Kinh phí tiết kiệm trong năm 2018 so với năm 2017 (2)
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
c	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên						
d	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên						
2	Huyện B						
	...						

chú: (1) Phần ngân sách nhà nước giảm hỗ trợ cho đơn vị.

(2) Tính toán dựa trên thời gian thay đổi cơ chế tự chủ trong năm (có thể nhỏ hơn 12 tháng). Tổng hợp vào biểu 4.a1; 4.a2

(3) Kinh phí tiết kiệm được không bao gồm phần kinh phí tiết kiệm từ việc tinh giản biên chế, sát nhập đơn vị đã được tổng hợp tại biểu 2đ.

**BÁO CÁO QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP ĐÓI VỚI LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG  
KHU VỰC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ ĐÓI TƯỢNG HƯỚNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐÉN 01/7/2018 (1)	QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP (2)			
			TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
1	2	3	4 = 5 + 6 + 7	5	6	7
1	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>					
1.1	Chi quản lý nhà nước					
-	Đơn vị trực thuộc Sở					
-	Đơn vị trực thuộc ...					
1.2	Chi sự nghiệp kinh tế					
	Đơn vị trực thuộc Sở					
	Đơn vị trực thuộc ...					
1.3	Chi sự nghiệp ...					
2	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>					
2.1	Chi quản lý nhà nước					
-	Đơn vị trực thuộc Sở					
-	Đơn vị trực thuộc ...					
2.2	Chi sự nghiệp Giáo dục					
	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
-						
+	Đơn vị trực thuộc Sở					
+	Đơn vị trực thuộc ...					
	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên					
-						
+	Đơn vị trực thuộc Sở					
+	Đơn vị trực thuộc ...					
2.3	Chi sự nghiệp Đào tạo					
	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
-						
+	Đơn vị trực thuộc Sở					
+	Đơn vị trực thuộc ...					
	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên					
-						
+	Đơn vị trực thuộc Sở					
+	Đơn vị trực thuộc ...					
2.4	Chi sự nghiệp ...					
3	<b>Sở Y tế</b>					
3.1	Chi quản lý nhà nước					
-	Đơn vị trực thuộc Sở					
-	Đơn vị trực thuộc ...					
3.2	Chi sự nghiệp Y tế					
	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
-						
+	Đơn vị trực thuộc Sở					
+	Đơn vị trực thuộc ...					
	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên					
-						
+	Đơn vị trực thuộc A					

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ ĐỔI TƯỢNG HƯỚNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐÉN 01/7/2018 (1)	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CÁP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP (2)			
			TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CÁP	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
1	2	3	4 = 5 + 6 + 7	5	6	7
+	Đơn vị trực thuộc ...					
3.3	Chi sự nghiệp Đào tạo					
-	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên					
+	Đơn vị trực thuộc Sở					
+	Đơn vị trực thuộc ...					
-	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên					
+	Đơn vị trực thuộc Sở					
+	Đơn vị trực thuộc ...					
4	Sở ...					

**Ghi chú:**

(1) Bao gồm đối tượng theo hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP và hợp đồng lao động khác.

(2) Không tổng hợp vào biểu 2.a1 và biểu 4.a1.

## BÁO CÁO QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CÁP ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG KHU VỰC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2018 (1)	QUÝ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CÁP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP (2)			
			TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẬC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CÁP	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
1	2	3	4 = 5 + 6 + 7	5	6	7
<b>TỔNG CỘNG</b>						
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo					
-	Giáo dục:					
	<i>Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)</i>					
-	Đào tạo					
	<i>Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)</i>					
2	Sự nghiệp y tế					
	<i>Trong đó, đơn vị tự đảm bảo (3)</i>					
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ					
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin					
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình					
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao					
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội					
8	Hoạt động kinh tế					
9	Sự nghiệp môi trường					
10	Quản lý nhà nước					

**Ghi chú:**

- (1) Bao gồm đối tượng theo hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP và hợp đồng lao động khác.
- (2) Không tổng hợp vào biểu 2.a2 và biểu 4.a2.
- (3) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên.